

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt danh sách cán bộ, công chức, viên chức, người lao động của các sở, ban, ngành; doanh nghiệp nhà nước; các cơ quan ngành dọc Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh được cử đến làm việc tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thái Nguyên

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia; Nghị định số 367/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 03/2025/TT-VPCP ngày 15/9/2025 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ về hướng dẫn thi hành một số nội dung của Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 38/QĐ-UBND ngày 01/7/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thành lập Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thái Nguyên;

Theo đề nghị của Chánh văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên tại Tờ trình số 1367/TTr-VPUB ngày 01/7/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt danh sách cán bộ, công chức, viên chức, người lao động của các sở, ban, ngành; doanh nghiệp nhà nước; các cơ quan ngành dọc Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh được cử đến làm việc tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thái Nguyên (có danh sách kèm theo Quyết định này).

Điều 2. Hiệu lực thi hành

- Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.
- Quyết định này thay thế các quyết định sau đây:

a) Quyết định số 1595/QĐ-UBND ngày 21/10/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt danh sách công chức, viên chức, người lao động của các sở, ban, ngành; doanh nghiệp nhà nước; các cơ quan ngành dọc Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh được cử đến làm việc tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thái Nguyên;

b) Quyết định số 2687/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thay đổi công chức được cử đến làm việc tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thái Nguyên;

c) Quyết định số 597/QĐ-UBND ngày 19/03/2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thay đổi nhân sự được cử đến làm việc tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thái Nguyên.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; doanh nghiệp nhà nước; các cơ quan ngành dọc Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh; Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh và cán bộ, công chức, viên chức, người lao động có tên trong danh sách tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / *Tuo*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- UBND các xã, phường;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Trung tâm Thông tin tỉnh (công khai);
- Phòng Ngoại vụ, VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, HCC, HC-TC. *pm*

Longtt. 7/2026. *g*

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Thị Loan

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI NGUYÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH

Cán bộ, công chức, viên chức, người lao động của các sở, ban, ngành; doanh nghiệp nhà nước; các cơ quan ngành dọc
Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh được cử đến làm việc tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thái Nguyên
(Ban hành kèm theo Quyết định số 2430 /QĐ-UBND ngày 01 /7/2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

TT	Họ và tên	Năm sinh	Chức vụ	Nhân sự chính thức	Nhân sự dự phòng	Nhiệm vụ được phân công tại Trung tâm PVHCC	Thời gian dự kiến cử làm việc tại Trung tâm PVHCC	Số điện thoại
I	SỞ NỘI VỤ							
1	Nguyễn Thị Thương Thương	1985	Chuyên viên	X		Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC lĩnh vực Nội vụ	12 tháng	0965.553.555
2	Nguyễn Thị Linh Chi	1998	Chuyên viên		X		12 tháng	0355.822.411
3	Lục Diệp Anh	1999	Chuyên viên		X		12 tháng	0389.207.992
II	SỞ TÀI CHÍNH							
1	Nguyễn Thị Hồng Thư	1980	Chuyên viên	X		Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC lĩnh	12 tháng	0974.518.434
2	Dương Thị Ngọc Thương	1987	Chuyên viên	X			12 tháng	0564.376.688

3	Lê Kim Thúy	1999	Chuyên viên		X	vực Tài chính, đầu tư	12 tháng	0384.980.322
III	SỞ VĂN HÓA - THỂ THAO VÀ DU LỊCH							
1	Nguyễn Thị Thu Trang	1981	Chuyên viên	X		Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC lĩnh vực Văn hóa - Thể thao và Du lịch	12 tháng	0986.518.575
2	Phan Thị Quyên	1987	Chuyên viên		X		12 tháng	0973.633.066
IV	SỞ XÂY DỰNG							
1	Lê Thanh Trà	1975	Chuyên viên	X		Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC lĩnh vực Xây dựng	12 tháng	0987.237.777
2	Đỗ Thanh Sơn	1971	Chuyên viên	X			12 tháng	0983.873.659
3	Phan Hoàng Hà	1996	Chuyên viên		X		12 tháng	0345.161.682
V	SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG							
1	Đồng Thị Thúy	1984	Chuyên viên chính	X		Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường	12 tháng	0389.029.099
2	Nguyễn Thu Hà	1982	Chuyên viên	X			12 tháng	0914.880.246
3	Nguyễn Thị Thu Hiền	1982	Chuyên viên	X			12 tháng	0982.185.007
4	Ngô Thị Lan Anh	1987	Chuyên viên chính		X		12 tháng	0986.818.583

5	Dương Thị Thêm	1982	Chuyên viên		X		12 tháng	0347.599.428
6	Dương Thị Thu Hà	1978	Chuyên viên		X		12 tháng	0978.626.265
VI	SỞ TƯ PHÁP							
1	Nguyễn Thị Hiền	1991	Chuyên viên	X		Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC lĩnh vực Tư pháp	12 tháng	0915.719.591
2	Nguyễn Thị Thu Hiền	1988	Chuyên viên		X		12 tháng	0911.233.369
3	La Thị Chín	1973	Chuyên viên		X		12 tháng	0813.028.028
VII	SỞ Y TẾ							
1	Nguyễn Thị Tố Uyên	1995	Chuyên viên	X		Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC lĩnh vực Y tế	24 tháng	0919.986.115
2	Vũ Thị Vân Anh	1989	Chuyên viên		X		12 tháng	0973.567.207
3	Nhâm Thị Mai Yên	1980	Chuyên viên		X		12 tháng	0915.200.026
VIII	SỞ CÔNG THƯƠNG							
1	Đỗ Thị Thu Nga	1992	Chuyên viên	X		Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC	12 tháng	0973.984.888
2	Lương Thị Quyên	1982	Chuyên viên		X		12 tháng	0982.872.862

3	Phạm Thị Ngân	1985	Chuyên viên		X	lĩnh vực Công Thương	12 tháng	0977.437.888
4	Phan Ngọc Minh	1991	Chuyên viên		X		12 tháng	0974.353.454
5	Nguyễn Tiến Dũng	1983	Chuyên viên		X		12 tháng	0913.198.223
IX	SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ							
1	Phạm Văn Trung	1977	Chuyên viên	X		Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC lĩnh vực Khoa học và Công nghệ	12 tháng	0976.017.781
2	Nguyễn Thị Hải Yến	1988	Chuyên viên		X		12 tháng	0918.845.989
3	Lương Văn Tùng	1985	Chuyên viên		X		12 tháng	0988.508.116
4	Nông Thị Noi	1979	Chuyên viên		X		12 tháng	0982.548.179
X	SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO							
1	Nông Thị Chí	1985	Chuyên viên	X		Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo	12 tháng	0983.146.241
2	Nguyễn Thị Thúy	1980	Chuyên viên		X		12 tháng	0974.683.286
3	Vũ Thị Thảo	1990	Chuyên viên		X		12 tháng	0986.051.356
4	Bùi Phương Hiền	1987	Chuyên viên		X		12 tháng	0976.118.091

XI	SỞ DÂN TỘC VÀ TÔN GIÁO							
1	Bàn Phúc Trung	1977	Chuyên viên	X		Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC lĩnh vực Dân tộc và Tôn giáo	12 tháng	0971.782.622
2	Dương Văn Nông	1980	Chuyên viên		X		12 tháng	0398.658.758
XII	VĂN PHÒNG UBND TỈNH							
1	Nguyễn Thị Kim Anh	1996	Chuyên viên	X		Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC lĩnh vực Ngoại vụ	12 tháng	0376.367.786
2	Trần Trọng Long	1994	Chuyên viên		X		12 tháng	0986.390.680
XIII	BAN QUẢN LÝ CÁC KCN TỈNH							
1	Trịnh Thị Thanh Hòa	1980	Chuyên viên	X		Tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ giải quyết TTHC thuộc thẩm quyền quản lý nhà nước của Ban Quản lý các KCN Thái Nguyên	12 tháng	0916.397.737
2	Ngô Xuân Cầu	1980	Chuyên viên		X		12 tháng	0975.667.390
3	Bùi Thanh Liêm	1990	Chuyên viên		X		12 tháng	0988.760.473
4	Trần Thị Phương Thảo	1994	Chuyên viên		X		12 tháng	0977.067.354

XIV	CÔNG AN TỈNH							
1	Nguyễn Thị Thu Trang	1985	Cán bộ	X		Đăng ký quản lý, ngành nghề kinh doanh có điều kiện về ANTT và con dấu	12 tháng	0915.207.785
2	Nguyễn Thị Quỳnh Nga	1990	Cán bộ		X		12 tháng	0972.392.338
3	Nguyễn Quang Hưng	1979	Cán bộ	X		Thu nhận hồ sơ căn cước, định danh điện tử	12 tháng	0977.040.004
4	Cao Thị Mai Hạnh	1986	Cán bộ		X		12 tháng	0915.405.755
5	Lê Thị Hải Linh	1985	Phó Đội trưởng	X		Sát hạch, cấp giấy phép lái xe	12 tháng	0972.576.888
6	Nguyễn Thị Quỳnh Trang	1984	Cán bộ	X			12 tháng	0985.895.009
7	Nguyễn Thanh Thủy	1990	Cán bộ	X			12 tháng	0984.567.415
8	Đỗ Bá Hiệp	1986	Phó Đội trưởng		X		12 tháng	0976.676.616
9	Nguyễn Công Chiến	1987	Cán bộ		X		12 tháng	0983.517.044
10	Nguyễn Minh Quyền	1995	Cán bộ		X		12 tháng	0975.392.623

11	Hà Thị Phương	1998	Cán bộ		X		12 tháng	0972.048.698
12	Dương Đình Hưng	1989	Cán bộ		X		12 tháng	0978.450.666
13	Dương Văn Huyền	1989	Cán bộ		X		12 tháng	0869.731.389
14	Dương Đăng Đức	1993	Cán bộ		X		12 tháng	0332.938.362
15	Vũ Quang Điện	1990	Cán bộ		X		12 tháng	0978.561.345
16	Hoàng Mạnh Hùng	1989	Cán bộ		X		12 tháng	0979.789.089
17	Nguyễn Như Dũng	1984	Cán bộ		X		12 tháng	0912.274.888
18	Nguyễn Hoàng Anh	1996	Cán bộ	X		Cấp phiếu lý lịch tư pháp	12 tháng	0973.929.842
19	Triệu Văn Linh	2000	Cán bộ	X			12 tháng	0987.712.408
20	Lê Thị Hồng	1976	Phó Giám đốc TTTT dữ liệu nghịệp vụ		X		12 tháng	0984.688.717

21	Trần Anh Sơn	1997	Cán bộ		X		12 tháng	0987.712.408
XV	BẢO HIỂM XÃ HỘI TỈNH							
1	Ngô Thị Kim Thanh	1980	Chuyên viên	X		Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC lĩnh vực Bảo hiểm xã hội	12 tháng	0912.708.980
2	Phạm Thị Nhàn	1982	Chuyên viên		X		12 tháng	0912.641.092
XVI	CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÁI NGUYÊN							
1	Hoàng Thị Minh Hòa	1977	Chuyên viên	X		Tiếp nhận và giải quyết các yêu cầu về dịch vụ điện	12 tháng	0982.744.204
2	Dương Thị Thu Bắc	1980	Chuyên viên		X		12 tháng	0912.004.880
3	Dương Hồng Khang	1981	Chuyên viên		X		12 tháng	0963.949.888
XVII	BUƯ ĐIỆN TỈNH THÁI NGUYÊN							
1	Nguyễn Trung Nguyên	1989	Nhân viên HCC	X		Tư vấn và tiếp nhận yêu cầu tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC qua dịch	12 tháng	0949.786.555
2	Dương Thị Quỳnh Hoa	1990	Nhân viên HCC		X		12 tháng	0988.385.456

3	Nông Thu Nga	1993	Nhân viên HCC		X	vụ Bưu chính công ích	12 tháng	0971.210.123
4	Đỗ Thị Đào	1995	Nhân viên HCC		X		12 tháng	0328.642.622
5	Ma Thị Sa	1984	Nhân viên HCC		X		12 tháng	0918.889.886